

Số: /2021/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-STNMT ngày 28 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum như sau:

1. Bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Việc bồi thường đối với nhà, công trình khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình:

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại lớn hơn 90% thì tỷ lệ (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 0%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại lớn hơn 60% và nhỏ hơn hoặc bằng 90% thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 10%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại lớn hơn 30% và nhỏ hơn hoặc bằng 60% thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 20%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại nhỏ hơn hoặc bằng 30% thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 30%”

b) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan thực hiện đánh giá giá trị hiện có của công trình (*tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của nhà, công trình đó theo đúng quy định nhân (x) với giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương*) và khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có

của nhà, công trình theo quy định nêu trên, làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn thiện phương án trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8 như sau:

“a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng (-) thứ 3 Điểm a khoản 1 như sau:

Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác; trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, nếu không được bố trí chỗ ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 tháng như sau:

- Mức hỗ trợ trên địa bàn thành phố Kon Tum: 1,6 triệu đồng/tháng/01 hộ gia đình.
- Mức hỗ trợ trên địa bàn thị trấn: 1,2 triệu đồng/tháng/01 hộ gia đình.
- Mức hỗ trợ trên địa bàn các xã thuộc các huyện: 01 triệu đồng/tháng/01 hộ gia đình”.

b) Sửa đổi Điểm a khoản 2 Điều 8 (*đã được sửa đổi tại Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum*) như sau:

“a) Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được giao đất ở hoặc nhà ở tái định cư.

Khi hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản tiền chênh lệch đó. Suất tái định cư tối thiểu được xác định như sau:

- Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở có diện tích là 100m²;
- Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở có diện tích là 15m²/người nhưng tối thiểu không nhỏ hơn 40m²/hộ và tối đa không quá 75m²/hộ. Giá m² nhà ở theo đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại thời điểm hỗ trợ;
- Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền được xây dựng bằng suất tái định cư tối thiểu bằng 100m² đất ở nhân với đơn giá đất nơi bố trí tái định cư. Đối với trường hợp không có khu tái định cư thì đơn giá đất là giá đất cụ thể tại vị trí thu hồi”.

c) Sửa đổi, bổ sung Điểm c khoản 3 như sau:

“c) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (*không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ*) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông lâm trường

quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó thì được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất áp dụng thực hiện như sau:

- Về hỗ trợ ổn định đời sống:

+ Thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

+ Diện tích đất thu hồi theo quy định nêu trên được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Diện tích đất để xác định cho từng hộ dân là diện tích đất theo Hợp đồng nhận khoán.

+ Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu theo quy định nêu trên được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

- Về hỗ trợ ổn định sản xuất: Mức hỗ trợ: 06 triệu đồng/01ha”.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 3 khoản 3 như sau:

“Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ: 06 triệu đồng/01ha”.

đ) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b khoản 4 Điều 8 như sau:

“a) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở:

Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền; mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 4 Điều 5 Chương II Quyết định số

46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng; nguồn kinh phí hỗ trợ được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

b) Hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai, cụ thể như sau:

- Trường hợp sử dụng đất từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2014: Hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp theo mục đích đang sử dụng theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất: diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng tối đa không quá hạn mức công nhận quyền sử dụng đất quy định tại Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh; phần diện tích đất còn lại (nếu có) không xem xét hỗ trợ.

- Các trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau: Không xem xét hỗ trợ về đất.

- Đối cây trồng trên đất: Hỗ trợ bằng 80% đơn giá cây trồng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất.

- Đối với nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất: Hỗ trợ bằng 80% giá trị đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất”.

Điều 2. Bãi bỏ các nội dung hỗ trợ khác được Quy định tại các khoản c, d, e, f, g, h, i quy định tại khoản 4 Điều 8 kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Các trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất và đã Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng chưa tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì thực hiện chi trả theo Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

2. Các trường hợp chưa có Quyết định thu hồi đất, chưa phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021 và bãi bỏ Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VBQPPL*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố Kon Tum;
- UBND các huyện, thành phố Kon Tum;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (*Văn thư - Lưu trữ*);
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN.PHS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn